

Số: ~~2107~~/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày ~~17~~ tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán kinh phí lập điều chỉnh Quy hoạch
phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Thanh Hóa
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xác định mức chi phí cho việc lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016 của tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Đề cương Lập điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2164/SCT-HCSN ngày 07 tháng 6 năm 2016 về việc phê duyệt kinh phí Lập điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí Lập điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung chính sau:

1. Tổng kinh phí thực hiện: 326.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn*).

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế hàng năm dành cho các dự án quy hoạch trong dự toán ngân sách tỉnh.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước thực hiện cấp kinh phí cho Sở Công Thương để thực hiện nhiệm vụ.

Sở Công Thương có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

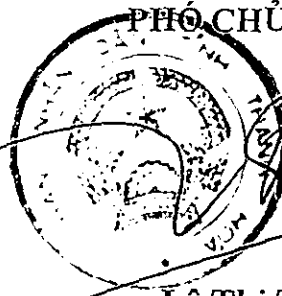
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Công Thương, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC (VA15638).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

PHỤ LỤC

Phê duyệt kinh phí Lập điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số: 2107/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục chi phí	Mức chi phí (%)	Kinh phí	Cơ sở tính
	Số làm tròn		326.000.000	-
-	<u>Tổng cộng</u>	-	<u>325.740.501</u>	-
A	Tổng kinh phí lập quy hoạch		322.675.088	-
I	Kinh phí theo Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT	100	243.712.000	
I.1	Chi phí xây dựng nhiệm vụ và dự toán	2,5	6.092.800	
1	Chi phí xây dựng đề cương, nhiệm vụ	1,5	3.655.680	
2	Chi phí lập dự toán theo đề cương, nhiệm vụ	1	2.437.120	
I.2	Chi phí xây dựng quy hoạch	84	204.718.080	
1	Chi phí thu thập, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu	7	17.059.840	
2	Chi phí thu thập bổ sung về số liệu, tư liệu theo yêu cầu quy hoạch	4	9.748.480	
3	Chi phí khảo sát thực địa	20	48.742.400	
4	Chi phí thiết kế quy hoạch	53	129.167.360	
-	Phân tích, đánh giá vai trò vị trí của ngành	1	2.437.120	
-	Phân tích, dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển ngành của khu vực; của cả nước tác động tới phát triển ngành của tỉnh trong thời kỳ QH	3	7.311.360	
-	Phân tích đánh giá hiện trạng phát triển của ngành của tỉnh	4	9.748.480	
-	Nghiên cứu mục tiêu và quan điểm phát triển ngành của tỉnh	3	7.311.360	
-	Nghiên cứu, đề xuất các phương án phát triển	6	14.622.720	
-	Nghiên cứu các giải pháp thực hiện mục tiêu	20	48.742.400	
+	<u>Luận chứng các phương án phát triển</u>	5	12.185.600	
+	<u>Xây dựng phương án phát triển, đào tạo nguồn nhân lực</u>	1	2.437.120	
+	<u>Xây dựng các phương án và giải pháp phát triển khoa học công nghệ</u>	1	2.437.120	
+	<u>Xây dựng các phương án và giải pháp bảo vệ môi trường</u>	1,5	3.655.680	
+	<u>Xây dựng các phương án, tính toán nhu cầu và đảm bảo vốn đầu tư</u>	4	9.748.480	

+	<i>XD các chương trình dự án đầu tư trọng điểm</i>	1,5	3.655.680	
+	<i>Xây dựng phương án tổ chức lãnh thổ</i>	3	7.311.360	
+	<i>Xác định các giải pháp về cơ chế, chính sách và đề xuất các phương án thực hiện</i>	3	7.311.360	
-	<i>XD báo cáo tổng hợp và các báo cáo liên quan</i>	8	19.496.960	
+	<i>Xây dựng báo cáo đề dẫn</i>	1	2.437.120	
+	<i>Xây dựng báo cáo tổng hợp</i>	6	14.622.720	
+	<i>Xây dựng các báo cáo tóm tắt</i>	0,6	1.462.272	
+	<i>Xây dựng văn bản trình thẩm định</i>	0,2	487.424	
+	<i>Xây dựng văn bản trình phê duyệt DAQH</i>	0,2	487.424	
-	<i>Xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch</i>	8	19.496.960	
I.3	Chi phí khác	13,5	32.901.120	
1	Chi phí quản lý dự án quy hoạch	4	9.748.480	
2	Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ và dự toán	1,5	3.655.680	
3	Chi phí thẩm định quy hoạch	4,5	10.967.040	
4	Chi phí công bố quy hoạch	3,5	8.529.920	
II	KINH PHÍ CÔNG TÁC KHẢO SÁT, THẨM DÒ, XÂY DỰNG BẢN ĐỒ, MUA BẢN ĐỒ		52.620.000	
1	<i>Chi phí khảo sát, thăm dò</i>		<i>14.120.000</i>	
-	Phụ cấp lưu trú		9.720.000	02 người x bình quân 01 ngày/huyện x 27 huyện x 180.000 đồng/ngày/người
-	Tiền thuê chỗ nghỉ		4.400.000	02 người x bình quân 01 đêm/huyện x 11 huyện miền núi x 200.000 đồng/ngày/người
2	<i>Chi phí mua bản đồ</i>		<i>31.000.000</i>	
-	Bản đồ hành chính cấp tỉnh		4.000.000	02 mảnh x 2.000.000 đồng/mảnh
-	Bản đồ hành chính cấp huyện		27.000.000	27 mảnh x 1.000.000 đồng/mảnh
3	<i>Chi cho đối tượng cung cấp thông tin</i>		<i>7.500.000</i>	50 tổ chức x 02 phiếu/ tổ chức x 75.000 đồng/phiếu
III	THUẾ GTGT		26.343.088	
B	CHI PHÍ THẨM ĐỊNH QUYẾT TOÁN		3.065.413	